Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Bào cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cào kiểm toán độc lậpp	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cào kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 31

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay lá Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007, sau đó được điều chỉnh thành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("Giấy CNĐKDN") số 0302095576 vào ngày 30 tháng 11 năm 2010, và lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 váo ngáy 1 tháng 3 năm 2026.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thu phí sử dụng đường bộ theo hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao ("B.O.T"), thi công xây lắp công trinh dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng giao thông.

Cổ phiếu của Công ty, với mã HTI, được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 12 năm 2010.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 560A đường Lê Đức Anh, phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Đạt	Thành viên
Ông Đỗ Chí Linh	Thánh viên
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thánh viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập bào cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng ban
Bà Lê Thùy Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập bào cáo náy như sau:

Ông Lê Quốc Đạt	Giám đốc
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc
Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Quốc Đạt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:

M.S.D.N: 0302095576 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO - Q.BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH

Lê Quốc Đạt
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 13689360/68642816-FN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO ("Công ty") được lập ngày 20 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2024-004-1

Ngô Đức Nhật
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5627-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**569.958.363.195**	**339.141.803.117**
110	***I. Tiền***	***4***	***2.173.193.237***	***1.877.918.437***
111	1. Tiền		2.173.193.237	1.877.918.437
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***	**5**	***520.207.799.454***	***309.451.676.166***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		520.207.799.454	309.451.676.166
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***47.482.484.632***	***26.012.059.927***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	38.581.061.218	20.197.586.763
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.247.843.860	2.315.881.859
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6.2	9.076.815.823	4.921.827.574
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1 6.3	(1.423.236.269)	(1.423.236.269)
140	***IV. Hàng tồn kho***		***94.885.872***	***1.800.148.587***
141	1. Hàng tồn kho		94.885.872	1.800.148.587
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.062.433.493.304**	**1.168.214.102.579**
220	***I. Tài sản cố định***		***989.497.055.008***	***1.085.445.045.410***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	989.497.055.008	1.085.445.045.410
222	Nguyên giá		2.577.933.432.649	2.568.431.962.883
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.588.436.377.641)	(1.482.986.917.473)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		915.724.800	915.724.800
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(915.724.800)	(915.724.800)
260	***II. Tài sản dài hạn khác***		***72.936.438.296***	***82.769.057.169***
262	1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	21.3	72.936.438.296	48.672.936.198
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	34.096.120.971
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.632.391.856.499**	**1.507.355.905.696**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**1.005.982.970.442**	**1.002.797.046.901**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***174.243.022.295***	***115.177.068.950***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	8	12.976.876.565	8.405.860.131
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	2.589.014.849
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	49.356.533.480	8.647.843.651
314	4. Phải trả người lao động		1.667.163.140	1.639.685.014
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		731.267.606	830.897.605
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	10	2.752.199.056	3.177.839.076
320	7. Vay ngắn hạn	11	104.480.000.000	88.360.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13	2.278.982.448	1.525.928.624
330	***II. Nợ dài hạn***		***831.739.948.147***	***887.619.977.951***
338	1. Vay dài hạn	11	394.340.216.383	498.820.216.383
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	12	437.399.731.764	388.799.761.568
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**626.408.886.057**	**504.558.858.795**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***14.1***	***626.408.886.057***	***504.558.858.795***
411	1. Vốn cổ phần		249.492.000.000	249.492.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*249.492.000.000*	*249.492.000.000*
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		164.586.458.199	164.586.458.199
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		212.330.427.858	90.480.400.596
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*42.902.366.409*	*26.697.927.717*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*169.428.061.449*	*63.782.472.879*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.632.391.856.499**	**1.507.355.905.696**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Loan	Nguyễn Trường Vũ	Lê Quốc Đạt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
10	**1. Đoanh thu cung cấp dịch vụ**	**15.1**	**496.280.393.802**	**489.839.849.627**
11	**2. Giá vốn dịch vụ cung cấp**	**16**	**(284.718.058.240)**	**(325.099.039.852)**
20	**3. Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ**		**211.562.335.562**	**164.740.809.775**
21	**4. Doanh thu hoạt động tài chính**	**15.2**	**24.976.258.089**	**10.881.980.921**
22	**5. Chi phí tài chính**	**17**	**(49.394.074.747)**	**(55.846.810.710)**
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(49.394.074.747)*	*(55.846.810.710)*
25	**6. Chi phí bán hàng**	**18**	**(36.489.176.485)**	**(35.823.176.563)**
26	**7. Chi phi quản lý doanh nghiệp**	**18**	**(4.121.590.798)**	**(4.162.496.299)**
30	**8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**146.533.751.621**	**79.790.307.124**
31	**9. Thu nhập khác**	**19**	**47.640.991.439**	**90.133.974**
32	**10. Chí phí khác**		**(164.781.491)**	**(14.850.000)**
40	**11. Lợi nhuận khác**		**47.476.209.948**	**75.283.974**
50	**12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**194.009.961.569**	**79.865.591.098**
51	**13. Chi phí thuế TNĐN hiện hành**	**21.1**	**(48.845.402.218)**	**(33.727.116.385)**
52	**14. Thu nhập thuế TNĐN hoãn lại**	**21.3**	**24.263.502.098**	**17.643.998.166**
60	**15. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**169.428.061.449**	**63.782.472.879**
70	**16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**14.5**	**6.669**	**2.449**
71	**17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**14.5**	**6.669**	**2.449**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Loan	Nguyễn Trường Vũ	Lê Quốc Đạt
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**194.009.961.569**	**79.665.591.098**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	7	105.449.460.168	102.682.089.200
03	Dự phòng		48.599.970.196	88.219.990.827
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(72.334.122.008)	(10.881.980.921)
06	Chi phí lãi vay	17	49.394.074.747	55.846.810.710
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**325.119.344.672**	**315.732.500.914**
09	Tăng các khoản phải thu		(713.631.484)	(6.961.563.323)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		1.705.262.715	(1.730.008.055)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(792.716.872)	10.069.009.849
14	Tiền lãi vay đã trả		(49.493.704.746)	(55.271.347.105)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	9	(7.248.548.679)	(40.731.949.763)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.916.420.363)	(1.093.656.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**266.659.585.243**	**220.012.986.517**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang		(8.620.495.693)	(1.010.925.543)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		65.163.187.912	-
23	Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn		(460.000.000.000)	(294.920.813.149)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		249.243.876.712	65.469.136.983
27	Tiền thu lãi tiền gửi		20.915.261.846	6.689.919.355
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(133.296.169.223)**	**(223.772.682.354)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền trả nợ gốc vay	11	(88.360.000.000)	-
36	Cổ tức đã trả		(44.706.141.220)	(39.752.993.640)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(133.066.141.220)**	**(39.752.993.640)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**295.274.600**	**(43.512.689.477)**
60	**Tiền đầu năm**		**1.877.918.437**	**45.390.607.914**
70	**Tiền cuối năm**	**4**	**2.173.193.237**	**1.677.918.437**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Loan	Nguyễn Trường Vũ	Lê Quốc Đạt
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007, sau đó được điều chỉnh thành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("Giấy CNĐKDN") số 0302095576 vào ngày 30 tháng 11 năm 2010, và lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 vào ngày 1 tháng 3 năm 2026.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thu phí sử dụng đường bộ theo hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao ("B.O.T"), thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng giao thông.

Cổ phiếu của Công ty, với mã HTI, được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 12 năm 2010.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 560A đường Lê Đức Anh, phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 169 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 167 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiến tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toàn doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 vá một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tái chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối năm với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toàn năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toàn vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đói thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngáy kết thúc kỳ kế toàn năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán váo chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toàn thực hiện xóa nợ, càc khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toàn vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản váo trạng thài sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Càc chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tái sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên già của tài sản và chi phi bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản vời giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tái sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định vá thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tái sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi già trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán váo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bàn tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc – B.O.T	*(*)*
Nhà cửa và vật kiến trúc - Khác	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 8 năm
Phần mềm máy tính	5 - 7 năm

(*) Đối với tài sản cố định hình thành từ Dự án B.O.T An Sương - An Lạc (bao gồm các hạng mục bổ sung của Dự án) được khấu hao theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm theo tỷ lệ được quy định trong Phụ lục Hợp đồng B.O.T trong thời gian kể từ khi công trình, hạng mục công trình được đưa vào thu phí tới hết thời gian thu phí đến tháng 1 năm 2033.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

3.9 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 *Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định*

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được thực hiện theo kế hoạch trích trước chi phí sửa chữa lớn vào chi phí hàng năm.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đào hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 *Dự phòng*

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.13 *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Thông tin bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là thu phí sử dụng đường bộ. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	1.180.964.854	1.011.969.257
Tiền gửi ngân hàng	992.228.383	865.949.180
TỔNG CỘNG	**2.173.193.237**	**1.877.918.437**

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc sáu (6) tháng và được hưởng lãi suất áp dụng.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông trực thuộc Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	31.285.322.925	12.632.203.470
Công ty TNHH TMDV và Xây dựng Thiên Vũ	4.356.467.024	4.756.467.024
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông	1.423.236.269	1.423.236.269
Khác	1.516.035.000	1.385.680.000
TỔNG CỘNG	**38.581.061.218**	**20.197.586.763**
Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi *(Thuyết minh số 6.3)*	(1.423.236.269)	(1.423.236.269)
GIÁ TRỊ THUẦN	**37.157.824.949**	**18.774.350.494**

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 *Phải thu ngắn hạn khác*

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Lãi tiền gửi	8.253.057.809	4.192.061.566
Tạm ứng bồi thường giải phóng mặt bằng	390.000.000	390.000.000
Ký cược ký quỹ	263.758.014	169.766.008
Khác	170.000.000	170.000.000
TỔNG CỘNG	**9.076.815.823**	**4.921.827.574**
Trong đó:		
Phải thu bên khác	*9.026.815.823*	*4.871.827.574*
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 21)	*50.000.000*	*50.000.000*

6.3 *Nợ xấu*

VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị thuần*	*Giá trị*	*Dự phòng*	*Giá trị thuần*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng						
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông	1.423.236.269	(1.423.236.269)	-	1.423.236.269	(1.423.236.269)	-

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc – B.O.T (*)	*Nhà cửa và vật kiến trúc - Khác*	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	2.528.420.152.467	7.936.071.296	17.951.281.124	11.252.540.197	2.871.917.799	2.568.431.962.883
Mua trong năm	-	-	9.501.469.766	-	-	9.501.469.766
Số cuối năm	2.528.420.152.467	7.936.071.296	27.452.750.890	11.252.540.197	2.871.917.799	2.577.933.432.649
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*778.992.059.854*	*4.571.887.885*	*8.949.404.784*	*8.153.424.181*	*1.644.591.769*	*802.311.368.473*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(1.451.474.050.151)	(5.773.772.138)	(13.929.324.065)	(9.559.543.798)	(2.250.227.321)	(1.482.986.917.473)
Khấu hao trong năm	(103.584.707.940)	(158.868.337)	(947.833.296)	(569.662.534)	(188.388.061)	(105.449.460.168)
Số cuối năm	(1.555.058.758.091)	(5.932.640.475)	(14.877.157.361)	(10.129.206.332)	(2.438.615.382)	(1.588.436.377.641)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	1.076.946.102.316	2.162.299.158	4.021.957.059	1.692.996.399	621.690.478	1.085.445.045.410
Số cuối năm	973.361.394.376	2.003.430.821	12.575.593.529	1.123.333.865	433.302.417	989.497.055.008

(*) Quyền thu phí giao thông trên toàn bộ Quốc lộ 1 đoạn An Sương – An Lạc (Km 1901-1915) và các quyền, lợi ích khác phát sinh gắn liền với công trình B.O.T đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng *(Thuyết minh số 12)*.

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả cho bên khác	12.976.876.565	7.914.734.514
- *Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Phúc Tường Vinh*	*5.312.899.372*	-
- *Công ty Cổ phần Công nghệ Biển Bạc Miền Nam*	*969.352.605*	*978.966.380*
- *Khác*	*6.694.624.588*	*6.935.768.134*
Phải trả bên liên quan *(Thuyết minh số 21)*	-	491.125.617
TỔNG CỘNG	**12.976.876.565**	**8.405.860.131**

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng*	*Giảm*	*Số cuối năm*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.142.046.384	48.845.402.218	(7.248.548.679)	48.738.899.923
Thuế giá trị gia tăng	1.436.304.589	39.748.439.793	(40.653.177.625)	531.566.757
Thuế thu nhập cá nhân	69.492.678	1.505.757.640	(1.489.183.518)	86.066.800
Khác	-	70.442.987	(70.442.987)	-
TỔNG CỘNG	**8.647.843.651**	**90.170.042.638**	**(49.461.352.809)**	**49.356.533.480**

10. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ tức phải trả	1.103.991.270	901.572.490
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	720.697.233	1.015.741.762
Khác	927.510.553	1.260.524.824
TỔNG CỘNG	**2.752.199.056**	**3.177.839.076**

11. VAY

VND

	Số đầu năm	*Trả trong kỳ*	*Phân loại lại*	*Số cuối năm*
Ngắn hạn				
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	88.360.000.000	(88.360.000.000)	104.480.000.000	104.480.000.000
Dài hạn				
Vay ngân hàng	498.820.216.383	-	(104.480.000.000)	394.340.216.383
TỔNG CỘNG	**587.180.216.383**	**(88.360.000.000)**	**-**	**498.820.216.383**

Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích đầu tư các dự án B.O.T. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm (VND)*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	498.820.216.383	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2026 đến ngày 31 tháng 3 năm 2032	Từ 9,0 đến 12,5	Quyền, lợi ích phát sinh từ việc thu phí giao thông trên toàn bộ Quốc lộ 1 đoạn An Sương – An Lạc (Km 1901-1915) gắn liền với công trình B.O.T
Trong đó:				
Vay dài hạn	*394.340.216.383*			
Vay dài hạn đến hạn trả	*104.480.000.000*			

12. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện các khoản dự phòng phải trả liên quan đến các chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn căn cứ vào ước tính của Công ty dựa trên các phụ lục Hợp đồng B.O.T thuộc các hạng mục trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn An Sương – An Lạc.

13. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

VND

	Số cuối năm	*Số cuối năm*
Số đầu năm	1.525.928.624	899.960.753
Trích lập quỹ trong năm *(Thuyết minh số 14.1)*	2.669.474.187	1.719.623.871
Sử dụng quỹ trong năm	(1.916.420.363)	(1.093.656.000)
Số cuối năm	2.278.982.448	1.525.928.624

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 *Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Quỹ đầu tư và phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước				
Số đầu năm	249.492.000.000	164.586.458.199	68.336.271.588	482.414.729.787
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	63.782.472.879	63.782.472.879
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.719.623.871)	(1.719.623.871)
Cổ tức công bố	-	-	(39.918.720.000)	(39.918.720.000)
Số cuối năm	249.492.000.000	164.586.458.199	90.480.400.596	504.558.858.795
Năm nay				
Số đầu năm	249.492.000.000	164.586.458.199	90.480.400.596	504.558.858.795
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	169.428.061.449	169.428.061.449
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi *(*)*	-	-	(2.669.474.187)	(2.669.474.187)
Cổ tức công bố *(*)*	-	-	(44.908.560.000)	(44.908.560.000)
Số cuối năm	249.492.000.000	164.586.458.199	212.330.427.858	626.408.886.057

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 16/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 5 năm 2025, Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ cổ tức 18%/mệnh giá và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 *Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	249.492.000.000	249.492.000.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố	*44.908.560.000*	*39.918.720.000*
Cổ tức đã trả trong năm	*44.706.141.220*	*39.752.993.640*

14.3 *Cổ phiếu*

Cổ phiếu

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu được phép phát hành	24.949.200	24.949.200
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	*24.949.200*	*24.949.200*
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	*24.949.200*	*24.949.200*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (31 tháng 12 năm 2025: 10.000 VND). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

14.4 *Chi tiết vốn cổ phần*

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	VND	*%*	*VND*	*%*
Tổng Công ty IDICO - CTCP	143.457.900.000	57.5	143.457.900.000	57.5
Các cổ đông khác	106.034.100.000	42.5	106.034.100.000	42.5
TỔNG CỘNG	**249.492.000.000**	**100**	**249.492.000.000**	**100**

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.5 *Lãi trên cổ phiếu*

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

VND

	Năm nay	*Năm trước (trình bày lại)*
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	169.428.061.449	63.782.472.879
Trừ: quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.045.720.000)	(2.669.474.187)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	166.382.341.449	61.112.998.692
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	24.949.200	24.949.200
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	*6.669*	*2.449*
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	*6.669*	*2.449*

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được điều chỉnh giảm cho khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2024 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tái chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tình trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2025 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025.

Công ty không có giao dịch cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng trong kỳ và váo ngày lập bào cáo tài chính giữa niên độ này.

15. DOANH THU

15.1 *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu từ thu cước đường bộ	480.441.976.460	463.835.480.793
Doanh thu xây dựng	15.838.417.342	25.872.368.834
Doanh thu khác	-	132.000.000
TỔNG CỘNG	**496.280.393.802**	**489.839.849.627**

15. DOANH THU (tiếp theo)

15.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi	24.976.258.089	10.881.980.921

16. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí khấu hao và hao mòn	104.831.606.086	102.038.838.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.852.762.712	80.606.076.725
Chi phí dự phòng sửa chữa lớn	48.599.970.196	88.219.990.827
Chi phí nhân viên	23.460.990.455	23.499.855.838
Chi phí nguyên vật liệu	14.933.518.791	24.650.423.151
Chi phí khác	1.039.210.000	6.083.854.699
TỔNG CỘNG	**284.718.058.240**	**325.099.039.852**

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	49.394.074.747	55.846.810.710

18. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng	**36.489.178.485**	**35.823.176.563**
Chi phí nhân viên	24.611.050.710	24.382.865.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.957.411.764	10.284.668.219
Chi phí khấu hao và hao mòn	329.618.929	343.234.604
Chi phí khác	591.095.082	812.408.464
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**4.121.590.798**	**4.182.496.299**
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.191.568.744	1.722.143.200
Chi phí nhân viên	786.912.944	575.558.884
Chi phí khấu hao và hao mòn	288.235.153	300.015.984
Chi phí khác	1.854.873.957	1.564.778.231
TỔNG CỘNG	**40.610.767.283**	**39.985.672.862**

19. THU NHẬP KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập từ việc chấm dứt hợp đồng Dự án Cầu Tân kỳ Tân Quý	47.357.863.919	-
Khác	283.127.520	90.133.974
TỔNG CỘNG	**47.640.991.439**	**90.133.974**

20. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí khấu hao và hao mòn	105.449.460.168	102.682.089.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.001.743.220	92.612.888.144
Chi phí nhân viên	48.858.954.109	48.458.279.998
Chi phí dự phòng sửa lớn	48.599.970.196	88.219.990.827
Chi phí khác	18.418.697.830	33.111.464.545
TỔNG CỘNG	**325.328.825.523**	**365.084.712.714**

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% của thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 *Chi phí thuế TNDN*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thuế TNDN hiện hành	48.738.899.923	33.727.116.385
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	106.502.295	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(24.263.502.098)	(17.643.998.166)
TỔNG CỘNG	**24.581.900.120**	**16.083.118.219**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**194.009.961.569**	**79.885.591.098**
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	38.801.992.312	15.973.118.219
Điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	216.913.569	110.000.000
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	106.502.295	-
Thay đổi thuế TNDN hoãn lại	(14.543.508.056)	-
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	**24.581.900.120**	**16.083.118.219**

21.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm tài chính khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.3 *Thuế TNDN hoãn lại*

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại và các biến động trong năm như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Dự phòng sửa chữa vừa và sửa chữa lớn	72.936.438.296	48.672.936.198	24.263.502.098	17.643.998.166
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	***72.936.438.296***	***48.672.936.198***		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			***24.263.502.098***	***17.643.998.166***

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Tổng Công ty IDICO – CTCP ("IDICO")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO ("IDICO-CONAC")	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO ("IDICO-INCON ")	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO ("IDICO-LINCO")	Cùng công ty mẹ
Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị ("HĐQT")
Ông Lê Quốc Đạt	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Ông Đỗ Chí Linh	Thành viên HĐQT từ ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT đến ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Độc lập HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng Ban Kiểm soát đến ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Lê Thùy Trang	Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên Ban Kiểm soát đến ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên Ban Kiểm soát đến ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
IDICO	Cổ tức đã chia	25.822.422.000	22.953.264.000
IDICO-CONAC	Cổ tức đã chia	1.921.680.000	1.708.160.000
IDICO-INCON	Dịch vụ giám sát thi công	1.351.690.561	1.349.453.205

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn khác			
IDICO-LINCO	Khác	50.000.000	50.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn			
IDICO-INCON	Dịch vụ giám sát thi công	-	491.125.617

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được trình bày như sau:

VND

Tên	*Chức vụ*	*Thu nhập*	
		Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập của HĐQT vá Ban Giám đốc			
Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	345.333.333	98.000.000
Ông Lê Quốc Đạt	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	1.236.983.333	890.222.222
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	923.622.222	740.000.000
Ông Đỗ Chí Linh	Thành viên HĐQT từ ngày 25 tháng 4 năm 2024	206.222.222	38.000.000
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT đến ngày 25 tháng 4 năm 2024	-	28.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	206.222.222	66.000.000
Ông Bùi Văn Dăn	Phó Giám đốc	820.383.333	696.222.222
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc	742.250.000	668.000.000
Ban Kiểm soát vá Kế toán trưởng			
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 25 tháng 4 năm 2024	154.222.222	38.000.000
Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng Ban Kiểm soát đến ngày 25 tháng 4 năm 2024	-	276.250.000
Bà Lê Thùy Trang	Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 25 tháng 4 năm 2024	96.666.667	28.500.000
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 25 tháng 4 năm 2024	96.666.667	28.500.000
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên Ban Kiểm soát đến ngày 25 tháng 4 năm 2024	-	21.500.000
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên Ban Kiểm soát đến ngày 25 tháng 4 năm 2024	-	21.500.000
Ông Nguyễn Trường Vũ	Kế toán trưởng	777.722.222	658.666.667
TỔNG CỘNG		**5.606.294.443**	**4.297.361.111**

23. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Loan	Nguyễn Trường Vũ	Lê Quốc Đạt
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc